

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KÈU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày: 29 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Dung**.

2. Bà **Đỗ Thị L Hằng**.

- Thư ký phiên tòa: Cô **Nguyễn Thị Kim Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên** – Kiểm sát V.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh D, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Cần Thơ; Đăng ký nhân khẩu thường trú: 2/32/3 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm Tê; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Văn D1, sinh năm 1961 (sống); Mẹ: Mai Thị L, sinh năm 1962 (sống); Anh, chị ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1992; Vợ: Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1989; Con: có 01 người, sinh năm 2016; Tiền sự; Tiền án: chưa; Bị cáo bị khởi tố vào ngày 04/11/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư **Đặng Trọng Toại** – Văn phòng luật sư Thanh Liêm Tộc Đoàn luật sư thành

phố Cần Thơ. (có mặt).

- Bị hại:

Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: 0931 tổ 12, ấp T1, xã T2, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

Ngân hàng TMCP V1. Địa chỉ: 89 H1, phường H1, quận Đ, Hà Nội.

Địa chỉ PGD L1 - Chi nhánh Cần Thơ: 126 L1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Thanh T3**. Địa chỉ: 58/5 khu vực 6, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

2. Bà **Đặng Mai**. Địa chỉ: 41 B1, phường B2, quận B2, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

3. Bà **Nguyễn Thị Thùy V**. Địa chỉ: 2/32/3 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/7/2019 Nguyễn Minh D truy cập vào mạng xã hội Zalo kết bạn với bà Nguyễn Thị Mỹ T, quá trình nhắn tin trò chuyện D biết bà T có ý định vay tiền ngân hàng, D nói dối bà T và tự xưng mình là Thái làm nhân V Ngân hàng Viettinbank sẽ giúp bà vay tiền, mục đích để bà T tin tưởng và tìm cơ hội chiếm đoạt T3 sản của bà T. Đến khoảng 16 giờ 30 ngày 20/7/2019, bà T hẹn D đến quán cà phê Số Đỏ, phường C, quận N để nói chuyện về thủ tục vay tiền ngân hàng, tại quán cà phê D thấy bà T sử dụng điện thoại di động, nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt T3 sản của bà T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D mời bà T đi ăn, bà T đồng ý, D điều khiển xe ô tô biển số 65A-186.29 chở bà T cùng đi ăn. Đến trước quán Hoa Cau Tộc phường T1, quận N, D nói với bà T, quán ăn này không cho thực khách mang điện thoại vào, để tạo lòng tin từ bà T, D chủ động để 02 chiếc điện thoại di động của mình vào túi xách của bà T trước, tin lời D bà T cũng để điện thoại vào túi xách của mình. D bảo bà T để túi xách trên xe và xuống xe để D đi gửi xe, tuy nhiên khi bà T xuống xe, D điều khiển xe bỏ đi và chiếm đoạt T3 sản của bà T. Khi D điều khiển xe đến khu vực Công V Văn hóa Miền Tây, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận N thì dừng xe lại để kiểm tra túi xách, qua kiểm tra, D phát hiện trong túi xách có số tiền 4.100.000 đồng, 01 sợi dây chuyền 18k và một số giấy tờ tùy thân của bà T. Sau đó, D điều khiển xe đến

tiệm vàng Lê Thiện ở chợ B2, phường B2 bán sợi dây chuyền với số tiền 2.100.000 đồng. Đối với túi xách và giấy tờ tùy thân của bà T thì D Tê ông Nguyễn Thanh T3 đem đến quán cà phê Số Đỏ để trả lại cho bà T và trả công cho ông T3 50.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, bà T đến Công an phường C để trình báo sự việc. Khoảng 22 giờ cùng ngày, qua rà soát đối tượng nghi vấn Công an phường C mời D về trụ sở làm việc, tại đây D thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt T3 sản của bà T.

Tang vật T giữ: 01 túi xách, 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4+, 01 điện thoại di động Iphone màu hồng, 01 điện thoại di động Iphone màu vàng Gold, 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 giấy đăng ký xe - bản sao mang tên Nguyễn Minh D; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, 01 xe ô tô biển số 65A-186.29 cùng một số giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Mỹ T, tiền: 6.200.000 đồng (bút lục: 73-76)

Tại Bản Kết luận định giá T3 sản số 1155/BKL-HĐĐG ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá T3 sản trong tố tụng hình sự quận N kết luận: 01 dây chuyền vàng, 01 túi xách, 01 bóp da, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus có tổng giá trị 7.970.064 đồng (bút lục: 19)

Ngày 04/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N đã ra Quyết định xử lý vật chứng là trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 4.100.000 đồng, 01 dây chuyền 18k trọng lượng 0,996 chỉ, tuổi vàng 65%, 01 túi xách, 01 chiếc bóp đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng gold và một số giấy tờ tùy thân.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại các T3 sản, nên không yêu cầu gì thêm (bút lục 28-29).

Đối với bà Đặng Mai là chủ tiệm vàng Lê Thiện, đã mua sợi dây chuyền của bị cáo D, với số tiền 2.100.000 đồng, bà Mai không biết đây là T3 sản bị cáo phạm tội mà có, nên không đủ cơ sở xử lý hình sự về hành vi Tiêu thụ T3 sản do người khác phạm tội mà có. Quá trình điều tra, bị cáo D đã trả lại số tiền 2.100.000 đồng cho bà Mai, bà Mai không yêu cầu gì thêm (bút lục 89).

Đối với Nguyễn Thanh T3 là người chạy mô tô khách được bị cáo D Tê đem túi xách trả lại cho bà T, ông T3 không biết các T3 sản này do D thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

Đối với các vật chứng còn lại trong vụ án Công an Cảnh sát điều tra đang tạm giữ theo Lnh nhập kho vật chứng số 172 ngày 04/11/2019 (bút lục: 14b)

Cáo trạng số 18/CT-VKSNK ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố bị cáo **Nguyễn Minh D** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát V giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo vì tại phiên tòa lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác phù hợp với các lời khai cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy, đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản”. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại cho người bị hại do mình gây ra; Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Từ những phân tích nêu trên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 để tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản”, đề nghị mức hình phạt cho bị cáo D từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng như sau:

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu Suzuki Ciaz màu bạc, biển số 65A-186.29 là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lẽ ra cần tịch T sung công nhưng xác định xe này là T3 sản chung của vợ chồng, đồng thời xe này là T3 sản thế chấp tại Ngân hàng V1, Ngân hàng cũng đã có văn bản yêu cầu xử lý T3 sản thế chấp T hồi nợ vì khoản vay của bị cáo và vợ đã quá hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử giao xe cho Chi cục thi hành án dân sự quận N thực hiện bán đấu giá T hồi toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, phần còn dư (nếu có) sau khi T nợ cho Ngân hàng sẽ trả lại $\frac{1}{2}$ cho bà Nguyễn Thị Thùy V (vợ bị cáo), $\frac{1}{2}$ còn lại sẽ tịch T sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch T sung công: 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4+ màu hồng đen và 2.100.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng hồng; 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Minh D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 65A-186.29 mang tên Nguyễn Minh D (bản sao).

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại đã nhận lại T3 sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Đặng Mai đã nhận lại số tiền do bị cáo D trả lại và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

- Ông Đặng Trọng Toại bào chữa cho bị cáo tranh luận:

Về tội danh như truy tố của Viện kiểm sát là thống nhất, về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của Viện kiểm sát là thống nhất và xin đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo vì bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 để xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù. Về xe ô tô con nhãn hiệu Suzuki Ciaz màu bạc, biển số 65A-186.29 là T3 sản chung của vợ chồng, đồng thời giữa Ngân hàng và bị cáo chưa phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng nên đề nghị trả lại xe trên cho bị cáo và vợ bị cáo.

Bị cáo thống nhất với tranh luận của luật sư Toại, bổ sung thêm ý kiến là xin được hưởng án treo để có cơ hội làm việc trả nợ cho Ngân hàng, cùng vợ nuôi dạy con.

Người liên quan: Bà V xin nhận lại xe và xin giảm nhẹ tội cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T3 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, thành phố Cần Thơ, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân quận N, kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:*

[1] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các T3 liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định vào ngày khoảng 17 giờ 00 phút ngày 20/7/2019 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để nhằm mục đích chiếm đoạt T3 sản của bị hại, cụ thể bị cáo có hành vi dùng lời nói gian dối để bị hại tin và tự nguyện để T3 sản lại trên xe ô tô của bị cáo. Căn cứ vào Kết luận định giá T3 sản số 1155/BKL-HĐĐG ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá T3 sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị T3 sản là 7.970.064 đồng và số tiền 4.100.000 đồng có trong túi xách nên tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 12.070.064 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã nhận lại T3 sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên

Tội tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 tình tiết này là căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội:

Hành vi mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu T3 sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bản thân bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi dùng lời nói gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt T3 sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo nên cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Từ nhận định này, thấy rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, việc đề nghị hình phạt trên cơ sở xem xét các căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi bị cáo thực hiện.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý như sau:

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T 4.100.000 đồng, 01 sợi dây chuyền 18k trọng lượng 0,996 chỉ, tuổi vàng 65%, 01 túi xách, 01 chiếc bóp đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng gold và một số giấy tờ tùy thân.

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu Suzuki Ciaz màu bạc, biển số 65A-186.29 là T3 sản Tộc quyền sở hữu chung của vợ chồng bị cáo trong thời kỳ hôn nhân; bị cáo và bà V đã thế chấp xe này cho Ngân hàng TMCP V1 để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1903141285072/BTY/HĐTC ngày 21/3/2019, hợp đồng này là hợp pháp. Bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch T bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, việc bị cáo sử dụng xe phạm tội thì bà V và Ngân hàng không biết nên cần tịch T xe ô tô giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận N kết hợp với Ngân hàng TMCP V1 bán đấu giá để T hồi số tiền mà bị cáo và bà V đã vay (vì khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn). Số tiền bán xe ô tô sau khi trừ tiền vay, lãi và các chi phí bán đấu giá còn lại (nếu còn) sẽ chia đôi, trả cho bà Nguyễn Thị Thùy V $\frac{1}{2}$ số tiền; $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại của bị cáo tịch T sung nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch T sung công: 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4+ màu hồng đen và 2.100.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu vàng hồng; 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Minh D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 65A-186.29 mang tên Nguyễn Minh D (bản sao) là T3 sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại T3 sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Mai đã nhận tiền bị cáo nộp khắc phục và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Xét tranh luận của luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận xin hưởng án treo của bị cáo là chưa có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt T3 sản*”. Áp dụng: điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo: **Nguyễn Minh D 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

+ Giao 01 xe ô tô con nhãn hiệu Suzuki Ciaz màu bạc, biển số 65A-186.29, số máy K14BS155541, số khung 41S9KR104273 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận N phối hợp với Ngân hàng TMCP V1 xử lý bán đấu giá T3 sản để Ngân hàng T hồi số tiền vay, tiền lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1903141285072/BTY/HĐTC ngày 21/3/2019. Số tiền bán xe ô tô sau khi trừ tiền vay, lãi và các chi phí bán đấu giá còn lại (nếu còn) chia đôi, trả cho bà Nguyễn Thị Thùy V $\frac{1}{2}$ số tiền; $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại của bị cáo tịch T sung nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch T nộp ngân sách nhà nước: tiền Việt nam 2.100.000 đồng; tịch T bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy J4+ màu hồng đen.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh D: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng hồng; 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Minh D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 65A-186.29 mang tên Nguyễn Minh D (bản sao).

(Tang vật do Chi cục Thi hành án quận N đang quản lý).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDQNK;
- VKSNDTPCT;
- TANDTPCT;
- Công an QNK;
- Chi cục THADSQNK;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG